

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG**  
(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2013



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 22



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Quốc Phương	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 04 tháng 6 năm 2013)
Ông Đào Mạnh Tiến	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2013)
Ông Nguyễn Quang Huy	Thành viên
Ông Lêu Minh Tiến	Thành viên
Bà Trần Thị Thu Phong	Thành viên
Ông Vũ Việt Linh	Thành viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Quang Huy	Giám đốc
Ông Phạm Hồng Chấn	Phó Giám đốc
Ông Vương Dũng Hoàng	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 19 tháng 3 năm 2013)
Ông Phạm Tuấn Anh	Phó Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Nguyễn Quang Huy**  
Giám đốc

Ngày 18 tháng 3 năm 2014



Số: 858 /VNIA-HN-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 18 tháng 3 năm 2014, từ trang 04 đến trang 22, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

### *Trách nhiệm của Ban Giám đốc*

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### *Ý kiến của Kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

125  
CÔNG  
NHIỆM  
LỢI  
T N  
2A -  
32735  
NG TY  
PHẦN  
AI DẦU  
G DƯƠNG  
Y - TP

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### *Vấn đề cần nhấn mạnh*

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 21 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty đã thực hiện điều chỉnh hồi tố theo kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước ngày 18 tháng 7 năm 2013 và Quyết định số 795/VTDK-TCKT ngày 09 tháng 9 năm 2013 của Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



**Vũ Đức Nguyên**

**Phó Tổng Giám đốc**

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0764-2013-001-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 18 tháng 3 năm 2014

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

A blue ink signature of Phạm Quỳnh Hoa.

**Phạm Quỳnh Hoa**

**Kiểm toán viên**

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0910-2013-001-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

**MẪU SỐ B 01-DN**  
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	
			31/12/2013	(Trình bày lại)
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>134.432.254.467</b>	<b>93.744.830.343</b>
<b>(100=110+120+130+140+150)</b>				
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>31.030.622.426</b>	<b>38.105.462.034</b>
1. Tiền	111		15.730.622.426	14.305.462.034
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.300.000.000	23.800.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>6.000.000.000</b>	<b>4.300.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		6.000.000.000	4.300.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>90.460.260.240</b>	<b>41.125.885.110</b>
1. Phải thu khách hàng	131		88.742.346.999	39.039.669.325
2. Trả trước cho người bán	132		404.338.140	389.240.368
3. Các khoản phải thu khác	135		2.086.752.733	2.102.756.974
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(773.177.632)	(405.781.557)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>6</b>	<b>2.040.294.795</b>	<b>2.577.976.146</b>
1. Hàng tồn kho	141		2.040.294.795	2.577.976.146
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.901.077.006</b>	<b>7.635.507.053</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.684.928.141	2.989.332.583
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	1.184.448.395
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		1.646.835	1.646.835
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	7	3.214.502.030	3.460.079.240
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>97.463.245.744</b>	<b>119.787.379.660</b>
<b>(200 = 220+260)</b>				
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>93.717.002.045</b>	<b>113.701.146.739</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	93.676.305.381	113.644.521.739
- Nguyên giá	222		183.403.418.011	188.589.636.237
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(89.727.112.630)	(74.945.114.498)
2. Tài sản cố định vô hình	227		40.696.664	56.625.000
- Nguyên giá	228		92.920.000	97.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(52.223.336)	(40.375.000)
<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.746.243.699</b>	<b>6.086.232.921</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	3.463.756.199	5.803.745.421
2. Tài sản dài hạn khác	268		282.487.500	282.487.500
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>231.895.500.211</b>	<b>213.532.210.003</b>

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

**MẪU SỐ B 01-DN**  
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	
			31/12/2013	(Trình bày lại)
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>139.637.045.169</b>	<b>121.529.020.517</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>119.666.396.036</b>	<b>57.599.976.392</b>
1. Vay ngắn hạn	311	10	47.070.538.045	12.761.872.200
2. Phải trả người bán	312		70.458.181.750	41.714.592.500
3. Người mua trả tiền trước	313		41.892.118	35.780.012
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	415.256.564	266.786.449
5. Phải trả người lao động	315		380.238.959	639.252.090
6. Chi phí phải trả	316		283.110.190	245.650.659
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		1.017.178.410	1.936.042.482
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>19.970.649.133</b>	<b>63.929.044.125</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333		18.801.599.333	2.922.588.125
2. Vay và nợ dài hạn	334		-	60.253.056.000
3. Doanh thu chưa thực hiện	338		1.169.049.800	753.400.000
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>92.258.455.042</b>	<b>92.003.189.486</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>12</b>	<b>92.258.455.042</b>	<b>92.003.189.486</b>
1. Vốn điều lệ	411		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Lũy kế	420		(7.741.544.958)	(7.996.810.514)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)</b>	<b>440</b>		<b>231.895.500.211</b>	<b>213.532.210.003</b>

**Đặng Tiến Dũng**  
 Người lập biểu

Ngày 18 tháng 3 năm 2014

**Vũ Thị Lan Anh**  
 Kế toán trưởng




**Nguyễn Quang Huy**  
 Giám đốc




**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**MẪU SỐ B 02-DN**  
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2013	2012
				(Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	13	570.863.404.299	375.310.056.856
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	13	386.724.030	261.350.489
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	13	570.476.680.269	375.048.706.367
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	14	563.915.333.862	368.864.054.980
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		6.561.346.407	6.184.651.387
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		2.368.841.451	3.811.770.526
7. Chi phí tài chính	22		2.526.953.781	2.376.044.308
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.223.280.295	2.376.044.308
8. Chi phí bán hàng	24		276.535.799	1.291.001.857
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		8.993.736.285	9.366.742.311
10. (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		(2.867.038.007)	(3.037.366.563)
11. Thu nhập khác	31		5.567.111.125	2.412.271.038
12. Chi phí khác	32		2.444.807.562	92.290.920
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		3.122.303.563	2.319.980.118
14. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)	50		255.265.556	(717.386.445)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	16	-	-
16. Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		255.265.556	(717.386.445)
17. Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	17	26	(72)

  
**Đặng Tiến Dũng**  
 Người lập biểu

Ngày 18 tháng 3 năm 2014

  
**Vũ Thị Lan Anh**  
 Kế toán trưởng

  
**Nguyễn Quang Huy**  
 Giám đốc



Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính




**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**MẪU SỐ B 03-DN**  
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2012	
		2013	(Trình bày lại)
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	01	255.265.556	(717.386.445)
2. Điều chỉnh cho các khoản:		17.526.865.514	16.944.101.202
Khấu hao tài sản cố định	02	18.718.114.386	18.823.772.276
Các khoản dự phòng	03	367.396.075	(443.944.856)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(3.781.925.242)	(3.811.770.526)
Chi phí lãi vay	06	2.223.280.295	2.376.044.308
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	17.782.131.070	16.226.714.757
Thay đổi các khoản phải thu	09	(47.900.945.601)	(10.553.130.888)
Thay đổi hàng tồn kho	10	537.681.351	(1.920.016.630)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả)	11	28.334.886.695	9.718.953.789
Thay đổi chi phí trả trước	12	3.815.296.798	(5.006.750.939)
Tiền lãi vay đã trả	13	(2.384.763.391)	(2.230.368.808)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(999.194.136)
Tiền thu/(chi) khác từ hoạt động kinh doanh	15	15.879.011.208	(282.487.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>16.063.298.130</b>	<b>4.953.719.645</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm tài sản cố định	21	(1.253.872.727)	(2.746.191.781)
2. Tiền thu từ thanh lý tài sản dài hạn	22	3.654.318.183	-
3. Gửi tiền có kỳ hạn	25	(6.000.000.000)	(4.300.000.000)
4. Thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	26	4.300.000.000	2.000.000.000
5. Thu lãi tiền gửi	27	2.105.806.961	3.527.520.526
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>2.806.252.417</b>	<b>(1.518.671.255)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	63.387.877.334	18.761.872.200
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(89.332.267.489)	(22.851.670.949)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(25.944.390.155)</b>	<b>(4.089.798.749)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(7.074.839.608)</b>	<b>(654.750.359)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	38.105.462.034	38.760.212.393
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>31.030.622.426</b>	<b>38.105.462.034</b>

  
 Đặng Tiến Dũng  
 Người lập biểu

  
 Vũ Thị Lan Anh  
 Kế toán trưởng

  
 Nguyễn Quang Huy  
 Giám đốc

Ngày 18 tháng 3 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018667 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 25 tháng 7 năm 2007 và các giấy chứng nhận điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 293 (31 tháng 12 năm 2012: là 513 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh vận tải bằng ô tô; buôn bán xăng, dầu khí hóa lỏng; kinh doanh hạt nhựa, kinh doanh các ngành gas, bao gồm chế tạo sửa chữa bình gas, chuyển đổi phương tiện vận tải sang khí hóa lỏng; sửa xe bảo dưỡng xe, lắp đặt phụ tùng phương tiện vận tải; kinh doanh bất động sản; dịch vụ quảng cáo thương mại, bán phụ tùng, thiết bị máy móc dân dụng và công nghiệp; đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa, xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

**Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định**

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Công cụ tài chính**

***Ghi nhận ban đầu***

***Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và đầu tư ngắn hạn.

***Công nợ tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản vay và chi phí phải trả.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

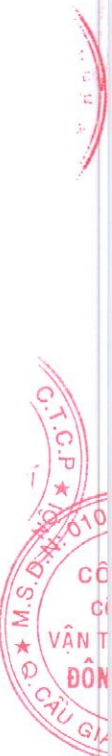
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)**

	<b>Năm 2013</b>	
	Số năm	
Máy móc và thiết bị	4 - 5	
Thiết bị văn phòng	3 - 7	
Phương tiện vận tải	6 - 10	
Tài sản khác	5	

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Chi phí trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa và bảo dưỡng các phương tiện vận chuyển và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian sử dụng hữu ích theo ước tính của Ban Giám đốc Công ty.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)**

**Chi phí đi vay**

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có khoản lỗ lũy kế là 7.741.544.958 VND, khoản lỗ này sẽ được xác định phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế và có thể được dùng để bù trừ với các khoản lợi nhuận chịu thuế của các năm tiếp theo nhưng không quá 05 năm kể từ năm phát sinh. Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản lỗ này do không chắc chắn về thời điểm thu được lợi nhuận trong tương lai.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG**Tầng 14, tòa nhà Việt Á, Duy Tân  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tiền mặt	83.324.136	1.034.175.666
Tiền gửi ngân hàng	15.647.298.290	13.271.286.368
Các khoản tương đương tiền (i)	15.300.000.000	23.800.000.000
	<b>31.030.622.426</b>	<b>38.105.462.034</b>

(i) Phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới ba tháng.

**6. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Nguyên vật liệu	1.257.981.937	1.695.609.356
Công cụ, dụng cụ	129.206.742	199.678.494
Hàng hoá	653.106.116	682.688.296
	<b>2.040.294.795</b>	<b>2.577.976.146</b>

**7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên	2.537.683.848	1.988.261.058
Tài sản thiếu chờ xử lý	671.818.182	671.818.182
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.000.000	800.000.000
	<b>3.214.502.030</b>	<b>3.460.079.240</b>

**8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2013	4.123.789.068	183.970.720.262	412.647.996	82.478.911	188.589.636.237
Tăng trong năm	-	1.211.952.727	-	-	1.211.952.727
Thanh lý	(99.000.000)	(5.695.258.535)	-	-	(5.794.258.535)
Điều chỉnh khác	(17.167.000)	12.968.574	(9.892.483)	-	(14.090.909)
Giảm khác (i)	(179.633.127)	(33.195.322)	(294.514.149)	(82.478.911)	(589.821.509)
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>3.827.988.941</b>	<b>179.467.187.706</b>	<b>108.241.364</b>	<b>-</b>	<b>183.403.418.011</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2013	2.342.140.667	72.215.598.694	325.609.106	61.766.031	74.945.114.498
Khấu hao trong năm	467.240.652	18.170.778.583	32.841.882	5.154.933	18.676.016.050
Thanh lý	(40.777.253)	(3.418.150.310)	-	-	(3.458.927.563)
Điều chỉnh khác	(282.288.490)	343.204.391	(50.302.547)	(11.035.334)	(421.980)
Giảm khác (i)	(122.381.121)	(19.104.413)	(237.297.211)	(55.885.630)	(434.668.375)
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>2.363.934.455</b>	<b>87.292.326.945</b>	<b>70.851.230</b>	<b>-</b>	<b>89.727.112.630</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 31/12/2013	<b>1.464.054.486</b>	<b>92.174.860.761</b>	<b>37.390.134</b>	<b>-</b>	<b>93.676.305.381</b>
Tại ngày 31/12/2012	<b>1.781.648.401</b>	<b>111.755.121.568</b>	<b>87.038.890</b>	<b>20.712.880</b>	<b>113.644.521.739</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG**Tầng 14, tòa nhà Việt Á, Duy Tân  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (Tiếp theo)**

- (i) Giảm khác là do Công ty phân loại lại nguyên giá và giá trị còn lại của các tài sản cố định có nguyên giá nhỏ hơn 30.000.000 VND sang chi phí trả trước dài hạn theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty đã thế chấp một số phương tiện vận tải với giá trị còn lại là 76.453.833.948 VND (31 tháng 12 năm 2012: 91.501.938.344 VND) để đảm bảo cho khoản vay của Công ty (xem chi tiết tại Thuyết minh số 10).

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 392.006.307 VND (năm 2012: 624.090.656 VND).

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<u>2013</u>	<u>2012</u>
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01	5.803.745.421	3.729.186.696
Tăng	5.550.115.626	5.235.011.851
Phân bổ vào chi phí trong năm	(7.890.104.848)	(3.160.453.126)
<b>Tại ngày 31 tháng 12</b>	<b>3.463.756.199</b>	<b>5.803.745.421</b>

**10. VAY NGẮN HẠN**

Vay ngắn hạn thể hiện khoản vay từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam, nay là Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam theo Hợp đồng vay số 36/PV-Petrotrans/TXV/08 ngày 18 tháng 6 năm 2008 với hạn mức tín dụng là 111.000.000.000 VND để mua sắm phương tiện vận tải phục vụ cho kinh doanh vận tải. Khoản vay này được đảm bảo bằng giá trị của một số phương tiện vận tải của Công ty (xem Thuyết minh số 8) và chịu lãi suất là 6,8%/năm. Thời hạn của hợp đồng vay này là 01 năm kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên và được gia hạn thêm 01 năm, đáo hạn vào ngày 18 tháng 6 năm 2012 với mức lãi suất được hỗ trợ trong giai đoạn này là 3%/năm.

Theo Nghị quyết số 630/NQ-DKVN, Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chỉ đạo Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam tiếp tục gia hạn nợ cho Công ty đến 18 tháng 6 năm 2014 và giữ nguyên mức lãi suất hỗ trợ là 3%/năm đối với dư nợ còn lại kể từ ngày 18 tháng 6 năm 2012.

**11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC**

Chi tiêu	Phải nộp tại 01/01/2013 VND	Lũy kế năm nay		Phải nộp tại 31/12/2013 VND
		Số phải nộp và những điều chỉnh do hợp nhất	Số đã nộp	
Thuế GTGT hàng bán nội địa	126.239.514	5.374.400.907	5.233.530.614	267.109.807
Thuế tiêu thụ đặc biệt	1.535.982	-	-	1.535.982
Thuế xuất, nhập khẩu	67.754.460	-	-	67.754.460
Thuế TNCN	71.256.493	92.738.005	85.138.183	78.856.315
Thuế môn bài	-	6.000.000	6.000.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>266.786.449</b>	<b>5.473.138.912</b>	<b>5.324.668.797</b>	<b>415.256.564</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**12. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ VND	(Lỗ lũy kế) VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2012	100.000.000.000	(7.279.424.069)	92.720.575.931
Lỗ trong năm	-	(717.386.445)	(717.386.445)
<b>Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2013</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>(7.996.810.514)</b>	<b>92.003.189.486</b>
Lợi nhuận trong năm	-	255.265.556	255.265.556
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>(7.741.544.958)</b>	<b>92.258.455.042</b>

**Vốn điều lệ và vốn đầu tư**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ và vốn đầu tư của Công ty đều là 100.000.000.000 VND. Công ty chỉ phát hành cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

	31/12/2013	31/12/2012
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	10.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp tại ngày	
	VND	%	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	38.670.000.000	38,67%	38.670.000.000	38.670.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	10.002.000.000	10,00%	10.002.000.000	10.002.000.000
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	10.000.000.000	10,00%	10.000.000.000	10.000.000.000
Ngân hàng TMCP Dầu khí Toàn cầu	10.000.000.000	10,00%	10.000.000.000	10.000.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	10.000.000.000	10,00%	10.000.000.000	10.000.000.000
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	10.000.000.000	10,00%	10.000.000.000	10.000.000.000
Các cổ đông khác	11.328.000.000	11,33%	11.328.000.000	11.328.000.000
	<b>100.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>100.000.000.000</b>

**13. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	2013 VND	2012 VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>570.863.404.299</b>	<b>375.310.056.856</b>
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	483.534.602.428	229.712.960.772
Doanh thu cung cấp dịch vụ	87.328.801.871	145.597.096.084
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(386.724.030)</b>	<b>(261.350.489)</b>
Chiết khấu thương mại	(386.724.030)	(261.350.489)
	<b>570.476.680.269</b>	<b>375.048.706.367</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**14. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ ĐÃ CUNG CẤP**

	<u>2013</u>	<u>2012</u>
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	475.253.009.560	287.839.169.041
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	88.662.324.302	81.024.885.939
	<b><u>563.915.333.862</u></b>	<b><u>368.864.054.980</u></b>

**15. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<u>2013</u>	<u>2012</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	38.401.471.723	11.617.446.960
Chi phí nhân công	11.395.081.329	29.025.191.077
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.718.114.386	18.823.772.276
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.957.727.992	27.706.673.698
Chi phí khác	4.311.268.789	4.509.546.096
	<b><u>101.783.664.219</u></b>	<b><u>91.682.630.107</u></b>

**16. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	<u>2013</u>	<u>2012</u>
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	255.265.556	(717.386.445)
Trừ: Lỗ năm trước mang sang	255.265.556	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Thuế suất áp dụng	25%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty không tính thuế thu nhập doanh nghiệp do trong năm 2013 Công ty không có thu nhập chịu thuế.

**17. LÃI/(LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	<u>2013</u>	<u>2012</u>
Lợi nhuận/(Lỗ) để tính lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND)	255.265.556	(717.386.445)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (Cổ phiếu)	10.000.000	10.000.000
<b>Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b><u>26</u></b>	<b><u>(72)</u></b>

**18. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 10 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp trừ lỗ lũy kế).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**18. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Quản lý rủi ro vốn (Tiếp theo)**

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Các khoản vay	47.070.538.045	73.014.928.200
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	31.030.622.426	38.105.462.034
Nợ thuần	16.039.915.619	34.909.466.166
Vốn chủ sở hữu	92.258.455.042	92.003.189.486
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,17	0,38

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	31.030.622.426	38.105.462.034
Phải thu khách hàng và phải thu khác	90.055.922.100	40.736.644.742
Đầu tư ngắn hạn	6.000.000.000	4.300.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>127.086.544.526</b>	<b>83.142.106.776</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	47.070.538.045	73.014.928.200
Phải trả người bán và phải trả khác	71.371.873.210	43.148.598.353
Chi phí phải trả	283.110.190	245.650.659
<b>Tổng cộng</b>	<b>118.725.521.445</b>	<b>116.409.177.212</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng chưa đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**18. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

***Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

***Quản lý rủi ro tỷ giá***

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

***Quản lý rủi ro lãi suất***

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG**Tầng 14, tòa nhà Việt Á, Duy Tân  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***18. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
<b>31/12/2013</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	31.030.622.426	-	31.030.622.426
Phải thu khách hàng và phải thu khác	90.055.922.100	-	90.055.922.100
Đầu tư ngắn hạn	6.000.000.000	-	6.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>127.086.544.526</b>	<b>-</b>	<b>127.086.544.526</b>
<b>31/12/2013</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	71.371.873.210	-	71.371.873.210
Chi phí phải trả	283.110.190	-	283.110.190
Các khoản vay	47.070.538.045	-	47.070.538.045
<b>Tổng cộng</b>	<b>118.725.521.445</b>	<b>-</b>	<b>118.725.521.445</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>8.361.023.081</b>	<b>-</b>	<b>8.361.023.081</b>
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
<b>31/12/2012</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.105.462.034	-	38.105.462.034
Phải thu khách hàng và phải thu khác	40.736.644.742	-	40.736.644.742
Đầu tư ngắn hạn	4.300.000.000	-	4.300.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>83.142.106.776</b>	<b>-</b>	<b>83.142.106.776</b>
<b>31/12/2012</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	43.148.598.353	-	43.148.598.353
Chi phí phải trả	245.650.659	-	245.650.659
Các khoản vay	12.761.872.200	60.253.056.000	73.014.928.200
<b>Tổng cộng</b>	<b>56.156.121.212</b>	<b>60.253.056.000</b>	<b>116.409.177.212</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>26.985.985.564</b>	<b>(60.253.056.000)</b>	<b>(33.267.070.436)</b>

Ban Giám đốc đánh giá mức rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**19. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	2013 VND	2012 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	4.329.509.563	3.888.152.628

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Trong vòng một năm	4.415.037.882	3.854.631.733
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	2.026.863.401	4.292.896.435
	<b>6.441.901.283</b>	<b>8.147.528.168</b>

Các khoản thuê hoạt động thể hiện các khoản thuê văn phòng, thuê bãi đỗ xe, thuê xe, thuê mặt bằng của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan chủ yếu:

<b>STT</b>	<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
1	Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	Công ty mẹ
2	Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	Cùng Tổng Công ty
3	Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long	Cùng Tổng Công ty
4	Tổng Công ty Khí Việt Nam	Cùng Tập đoàn Dầu khí
5	Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	Cùng Tập đoàn Dầu khí
6	Tổng Công ty Phân bón và Hoá chất Dầu khí - CTCP	Cùng Tập đoàn Dầu khí
7	Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc	Cùng Tập đoàn Dầu khí
8	Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Quảng Ninh	Cùng Tập đoàn Dầu khí
9	Ban Quản lý Dự án Xây dựng Trường Đại học Dầu khí	Cùng Tập đoàn Dầu khí
10	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô thị	Cùng Tập đoàn Dầu khí
11	Công ty TNHH Điều hành thăm dò khai thác Dầu khí PVEP Trung Á	Cùng Tập đoàn Dầu khí
12	Công ty TNHH MTV Khí hóa lỏng Nam Định	Cùng Tập đoàn Dầu khí
13	Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Hà Nội	Cùng Tập đoàn Dầu khí
14	Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau	Cùng Tập đoàn Dầu khí
15	Công ty Cổ phần Quản lý & Phát triển Nhà Dầu khí Miền Nam	Cùng Tập đoàn Dầu khí
16	Công ty TNHH MTV Lọc hoá dầu Bình Sơn	Cùng Tập đoàn Dầu khí
17	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV Oil Miền Bắc	Cùng Tập đoàn Dầu khí
18	Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Hải Phòng	Cùng Tập đoàn Dầu khí
19	Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định	Cùng Tập đoàn Dầu khí
20	Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí	Cùng Tập đoàn Dầu khí
21	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV Oil tại Hải Phòng	Cùng Tập đoàn Dầu khí
22	Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	Cùng Tập đoàn Dầu khí
23	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	Cùng Tập đoàn Dầu khí
24	Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí Nước ngoài	Cùng Tập đoàn Dầu khí
25	Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hoá lỏng Nam Định	Cùng Tập đoàn Dầu khí
26	Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	Cùng Tập đoàn Dầu khí
27	Ngân hàng TMCP Dầu khí Toàn Cầu	Cùng Tập đoàn Dầu khí
28	Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	Cùng Tập đoàn Dầu khí



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**20. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<b>2013</b>	<b>2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Doanh thu</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	5.121.975.380	2.546.876.409
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	-	894.706.827
Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long	7.913.346.808	-
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	103.578.406.647	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc	-	565.784.556
Tổng Công ty Khí Việt Nam	765.390.900	1.105.313.125
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	-	1.080.000.000
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	5.171.746.078	4.297.688.528
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Quảng Ninh	312.709.675	-
Ban Quản lý Dự án Xây dựng Trường Đại học Dầu khí	570.924.088	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô thị	1.630.761.107	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc	1.554.738.631	-
Công ty TNHH Điều hành thăm dò khai thác Dầu khí PVEP Trung Á	468.495.955	-
Công ty TNHH MTV Khí hóa lỏng Nam Định	366.095.618	-
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Hà Nội	3.286.843.593	-
Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau	455.798.585	-
Công ty Cổ phần Quản lý & Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	424.487.600	-
Công ty TNHH MTV Lọc hoá dầu Bình Sơn	926.472.635	-
Tổng Công ty Phân bón và Hoá chất Dầu khí	555.526.650	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV Oil Miền Bắc	308.881.454	-
<b>Mua hàng</b>		
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc	34.690.653.453	3.846.774.098
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	1.134.895.755	3.036.702.501
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Hải Phòng	-	4.863.636
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định	268.361.418	698.575.741
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long	1.196.168.490	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV Oil Miền Bắc	811.562.269	-
Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí	246.282.261.325	153.451.993.399
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV Oil tại Hải Phòng	4.812.675.660	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô thị	348.673.063	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Quảng Ninh	3.701.483.306	-
<b>Lãi vay</b>		
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	2.223.280.295	1.772.556.188

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<b>2013</b>	<b>2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền lương, thưởng và các khoản phúc lợi	995.947.885	1.010.925.873

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**20. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
<b>Phải thu</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	3.021.940.100	2.750.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cừ Long	1.395.143.523	84.481.740
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	43.251.124.548	15.307.050
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	927.058.798	397.308.837
Tổng Công ty Khí Việt Nam	459.360.000	114.840.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	118.421.250	972.800
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	-	115.531.298
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô thị	-	68.591.769
Tổng Công ty Thăm dò và Khai thác Dầu khí	-	424.309.937
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hoá lỏng Hà Nội	-	332.382.082
Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí	-	94.847.000
Nước ngoài		
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hoá lỏng Nam Định	-	89.578.360
Công ty TNHH MTV Lọc hoá Dầu Bình Sơn	-	262.719.105
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	-	142.587.218
<b>Phải trả</b>		
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	206.422.300	107.879.000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOil Miền Bắc	63.070.399	468.751.054
Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cừ Long	478.271.200	26.615.000
Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí	39.918.954.806	26.202.751.180
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc	25.321.162.596	119.768.166
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định	29.951.500	17.349.400
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOil tại Hải Phòng	478.726.190	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô thị	383.540.370	-
<b>Các khoản vay</b>		
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	47.070.538.045	60.253.056.000



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**21. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh của bảng cân đối kế toán, kết quả hoạt động kinh doanh và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được điều chỉnh hồi tố theo kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước ngày 18 tháng 7 năm 2013 và Quyết định số 795/VTDK-TCKT ngày 09 tháng 9 năm 2013 của Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí như sau:

Đơn vị: VND

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

<u>Chỉ tiêu</u>	<u>Mã số</u>	<u>31/12/2012</u> <u>Trước điều chỉnh</u>	<u>Điều chỉnh</u> <u>hồi tố</u>	<u>31/12/2012</u> <u>Sau điều chỉnh</u>
Tài sản cố định hữu hình	221	114.424.798.129	780.276.390	113.644.521.739
<i>Nguyên giá</i>	222	188.589.636.237	-	188.589.636.237
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223	(74.164.838.108)	(780.276.390)	(74.945.114.498)
Lỗi lũy kế	420	7.216.534.124	780.276.390	7.996.810.514

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

<u>Chỉ tiêu</u>	<u>Mã số</u>	<u>31/12/2012</u> <u>Trước điều chỉnh</u>	<u>Điều chỉnh</u> <u>hồi tố</u>	<u>31/12/2012</u> <u>Sau điều chỉnh</u>
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	368.083.778.590	780.276.390	368.864.054.980

Đặng Tiên Dũng  
Người lập biểu

Ngày 18 tháng 3 năm 2014

Vũ Thị Lan Anh  
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Huy  
Giám đốc

